TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/HSST
Ngày 04 tháng 4 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐĂK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thọ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Ngư – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên toà: Ông Hoàng Thanh Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2019/HSST ngày 06/3/2019 đối với bị cáo:

Đoàn Thị Th; sinh năm: 1971, tại tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn N, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: nguyên cán bộ xã Q T, huyện T Đ; con ông: Đoàn Văn Th và bà Phạm Thị U (đều đã chết); Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo có chồng là Phạm Xuân L, sinh năm 1967 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2002; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Chị Nguyễn Kim U, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Trương Thị Bạch T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn S, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt tại phiên tòa..

3. Bà Thị S, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn S, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi liên quan:

1. Anh Điểu Th, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn S, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Điểu Nh, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn S, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt tại phiên tòa.

3. Chị Nông Tuyết L, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn N, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt tại phiên tòa.

4. Chị Trần Thị Th, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn M, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự:

1. Hội liên hiệp phụ nữ huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T; Chức vụ: Cán bộ tín dụng thuộc Hội LHPN huyện T Đ. Có mặt tại phiên tòa.

2. Liên đoàn lao động huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đoàn Thị Th nguyên là Chủ tịch Hội chữ thập đỏ xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông, đồng thời là Tổ trưởng Tổ vay vốn của bon B N *(nay là thôn S)*, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông. Vào khoảng giữa tháng 3 năm 2014, Th làm hồ sơ xin vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T Đ cho chị Trương Thị Bạch T và bà Thị S với số tiền 30.000.000 đồng/người, thời hạn vay 03 năm. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch huyện T Đ ủy nhiệm cho Th làm Tổ trưởng Tổ vay vốn và quy định có quyền thu tiền lãi suất hàng tháng và không được phép trực tiếp thu tiền gốc mà chỉ có trách nhiệm đôn đốc các tổ viên vay vốn trả tiền gốc đúng thời hạn. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 13/01/2017, Th đã lợi dụng vị trí Tổ trưởng Tổ vay vốn và sự thiếu hiểu biết của người vay vốn. Th chủ động đến nhà chị Trương Thị Bạch T thu tiền gốc và lãi suất tổng cộng 30.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Th không viết giấy tờ biên nhận mà chỉ thỏa thuận bằng miệng với chị T và hứa sẽ trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện thay chị T vào ngày đến hạn để chị T được vay lại. Ngày 19/02/2017, Th tiếp tục đến nhà bà Thị S thu số tiền gốc 30.000.000 đồng kèm theo lãi suất. Th viết giấy tờ biên nhận với nội dung:*"chị Thị S gửi cho Th số tiền 30.000.000 đồng hẹn đến ngày 08/3/2017 trả đủ ngân hàng"*. Sau đó, Th nói với bà Thị S sẽ có trách nhiệm trả đủ tiền cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện khi đến hạn. Sau khi lấy được tiền của chị T và bà Thị S, đến hạn thanh toán nợ gốc cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T Đ, Th không trả mà sử dụng vào mục đích cá nhân rồi bỏ trốn. Tổng số tiền Th lạm dụng chức vụ, quyền hạn là Tổ trưởng Tổ vay vốn chiếm đoạt của chị T và bà Thị S là 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng)*.

Vào ngày 21/4/2017, Th nhặt được 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD788850 và số CD788852 mang tên anh Nguyễn Đức T và chị Lầm Sy M, địa chỉ thôn N, xã Đ RT, huyện T Đ. Th nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Kim U, Th tự viết tay 01 giấy sang nhượng diện tích đất trong 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T, chị M cho Th với nội dung: *"Anh T, chị M có sang nhượng cho Th một mảnh đất rẫy diện tích 17.255,5m^2 tại bon Ph 1, xã Đ Ng, huyện T Đ với giá 175.000.000 đồng tại thửa số 3, tờ bản đồ số 41)* và giả mạo chữ ký, chữ viết của anh T, chị M trên giấy sang nhượng. Đến ngày

26/4/2017, Th mang 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Đức T và chị Lầm Sy M cùng giấy sang nhượng đất giữa vợ chồng anh T với Th do Th tự làm đến gặp chị U để thế chấp vay với số tiền 130.000.000 đồng. Do biết Th là cán bộ xã nên chị U đã tin tưởng nhận thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho Th vay với số tiền 130.000.000 đồng. Th hẹn với chị U trong thời gian 30 ngày sẽ trả tiền cho chị U. Tiếp theo đến khoảng 16 giờ ngày 27/4/2017, Th lại mang 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 152039 mang tên Điểu G do anh Điểu G đưa cho Th để nhờ làm đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện T Đ yêu cầu đền bù thiệt hại về việc xây dựng công trình đập thủy lợi đến nhà chị U để thế chấp vay thêm số tiền 30.000.000 đồng. Cũng với thủ đoạn trên, trong các ngày 05/5/2017 và ngày 07/5/2017, Th đến nhà anh Điểu T mượn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 152153 và số 152875 mang tên Điểu T để hứa giúp làm đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện T Đ đền bù thiệt hại do xây dựng công trình đập thủy lợi làm diện tích đất và hoa màu của gia đình anh Điểu T bị ngập nước. Sau đó, Th mang 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cả thẻ đảng viên của chính mình đến nhà chị U để thế chấp vay số tiền 50.000.000 đồng. Khi chị U hỏi Th về nguồn gốc 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Thảo nói là anh Điểu T bị nợ tiền Ngân hàng nên nhờ Th thế chấp vay tiền về để đáo hạn. Nghe vậy, chị U tin lời và nhận thế chấp, đưa cho Thảo 50.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền Th dùng vào mục đích cá nhân. Trước khi chị U tố cáo hành vi của Th thì Th đã trả cho chị U số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc, tổng số tiền Đoàn Thị Th dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt được của chị Nguyễn Kim U là 190.000.000 đồng. Sau đó, Th bán nhà rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 19/3/2018, Th bị bắt theo Quyết định truy nã của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức.

Về vật chứng của vụ án: cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức thu giữ: 01 giấy sang nhượng đất đề ngày 21/4/2017 của anh Nguyễn Đức T, chị Lầm Sy M sang nhượng cho Đoàn Thị Th diện tích 17.255,5m^2 đất rẫy tại thửa số 3, tờ bản đồ số 41; 01 thẻ đảng viên mang tên Đoàn Thị Th; 01 giấy vay tiền đề ngày 26/4/2017 giữa chị U và Th với số tiền 160.000.000 đồng; 01 giấy vay tiền đề ngày 05/5/2017 với số tiền 30.000.000 đồng; 01 giấy vay tiền đề ngày 07/5/2017 với số tiền 20.000.000 đồng được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Cơ quan cảnh sát điều tra cũng đã thu giữ và trả lại 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ sở hữu hợp pháp gồm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD788850 và số CD788852 mang tên Nguyễn Đức T và Lầm Sy M; 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 152153 và số 152875 mang tên Điểu T; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 152039 mang tên Điểu G.

Tại bản giám định số 90-GĐTL/PC54 ngày 18/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Chữ viết và chữ ký trong giấy mua bán rẫy giữa anh Nguyễn Đức T và chị Lầm Sý M bán cho bị cáo Th không phải do chị M và anh T viết ra.

Về phần trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Trương Thị Bạch T, bà Thị S yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 60.000.000 đồng *(mỗi người 30.000.000 đồng)*, chị Nguyễn Kim U yêu cầu bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả với số tiền 190.000.000 đồng do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Tại Cáo trạng số: 01/CTr – VKS ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo Đoàn Thị Th về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 174 và tội *"Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(sửa đổi bổ sung năm 2017)*.

Tại phiên tòa bị cáo Đoàn Thị Th thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong các ngày 13/01/2017 và 19/02/2017 Đoàn Thị Th đã lạm dụng chức vụ là Tổ trưởng Tổ vay vốn của bon S, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông chiếm đoạt của chị Trương Thị Bạch T và bà Thị S mỗi người 30.000.000 đồng nhưng không trả cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện T Đ mà sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân, sau đó bỏ trốn. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội *"Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 355 của Bộ luật hình sự 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. Ngoài hành vi nêu trên từ ngày 21/4/2017 đến ngày 07/5/2017 Đoàn Thị Th nhiều lần sử dụng các thủ đoạn gian dối lừa đảo, chiếm đoạt của chị Nguyễn Kim U số tiền 190.000.000 đồng, sau đó bỏ trốn. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị Th phạm tội *"Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 355, điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. Xử phạt bị cáo Đoàn thị Th từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản"* và từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội từ 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng đến 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tùù. Trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015*(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Trương Thị Bạch T 30.000.000 đồng; bà Thị

S 30.000.000 đồng; chị Nguyễn Kim U 190.000.000 đồng do hành vi phạm tội của bị can gây ra.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn xác định được Đoàn Thị Th vay của các tổ chức, cá nhân: Hội liên hiệp phụ nữ huyện T Đ số tiền 27.400.000 đồng, Liên đoàn lao động huyện T Đ 20.000.000 đồng, anh Điểu Th 32.000.000 đồng, chị Nông Tuyết L 30.000.000 đồng, anh Điểu Nh 20.000.000 đồng và chị Trần Thị Th 115.000.000 đồng, tổng cộng 244.400.000 đồng. Tuy nhiên, đây là các giao dịch dân sự nên sẽ tách ra giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự dân sự khi có đơn khởi kiện.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà Đoàn Thị Th thu của anh Điểu Nh để trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T Đ đến nay chưa đến hạn trả nợ (hạn trả nợ vào ngày 08/11/2019), nên không đề cập giải quyết trong vụ án này

Phần tranh luận bị thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng bị cáo xin lỗi những người bị hại, xin HĐXX xem xét khoan hồng cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và hòa nhập cộng đồng và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo được tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng, quá trình điều tra, truy tố và xét xử không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng vì vậy các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Như vậy, do ý thức coi thường pháp luật muốn có tiền tiêu xài cá nhân không bằng sức lao động của mình nên bị cáo Đoàn Thị Th đã lạm dụng chức vụ là Tổ trưởng Tổ vay vốn của bon S, xã Q T, huyện T Đ chủ động đến nhà chị Trương Thị Bạch T thu tiền gốc và lãi suất tổng cộng 30.000.000 đồng. Đến nhà bà Thị S thu số tiền gốc 30.000.000 đồng kèm theo lãi suất hứa đem trả cho, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã Hội huyện T

Đ nhưng sau khi thu được tiền bị cáo dùng tiêu xài cá nhân, không trả lại và bỏ trốn. Hành vi của bị cáo Đoàn Thị Th đã phạm vào tội *"Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 của Bộ luật hình sự 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*.

Cũng vì mục đích muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không bằng sức lao động của mình nên vào ngày 26/4/2017 Th dùng thủ đoạn gian dối làm giả giấy tờ mua bán đất với anh T chị M rồi mang 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhặt được của anh Nguyễn Đức T và chị Lầm Sy M đến gặp chị U để thế chấp vay với số tiền 130.000.000 đồng. Th hẹn với chị U trong thời gian 30 ngày sẽ trả tiền cho chị U. Tiếp theo vào các ngày ngày 27/4/2017; ngày 05/5/2017 và ngày 07/5/2017 Th dùng thủ đoạn nói dối để mượn giấy tờ đất để đi khiếu nại hộ, Th đã mươn được và mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 152039 mang tên Điểu G đến nhà chị U để thế chấp vay thêm số tiền 30.000.000 đồng. Thế chấp chứng nhận quyền sử dụng đất số 152153 và số 152875 mang tên Điểu T cho chị U để thế chấp vay số tiền 50.000.000 đồng. Khi chị U hỏi Th về nguồn gốc 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Th nói là anh Điểu T bị nợ tiền Ngân hàng nên nhờ Th thế chấp vay tiền về để đáo hạn. Nghe vậy, chị U tin lời và nhận thế chấp, đưa cho Thảo 50.000.000 đồng. Trước khi chị U tố cáo hành vi của Th thì Th đã trả cho chị U số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc, số tiền này chị U đã xác nhận. Tổng số tiền Đoàn Thị Th dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt được của chị Nguyễn Kim U là 190.000.000 đồng. Sau đó Th bán nhà rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Hành vi của bị cáo Đoàn Thị Th đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017).*

Theo quy định của Nghị quyết số: 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 30/6/2016 về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự số: 100/2015/QH13, Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số: 100/2015/QH13, Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 thì hành vi lạm dụng chức vụ là Tổ trưởng Tổ vay vốn của bon S, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông chiếm đoạt của chị Trương Thị Bạch T và bà Thị S mỗi người 30.000.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội *"Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 của Bộ luật hình sự 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*; hành vi nhiều lần sử dụng các thủ đoạn gian dối lừa đảo, chiếm đoạt của chị Nguyễn Kim U số tiền 190.000.000 đồng, đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*.

Tại điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)* quy định như sau:

"1. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt từ từ 01 năm đến 06 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm:

...

c) Phạm tội 02 lần trở lên"

Tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)* quy định như sau:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đặc biệt tại những vùng khó khăn đang được nhà nước đầu tư xóa đói giảm nghèo, làm ảnh hưởng đến chính sách phát triển kinh tế xã hội vùng khó khăn của nhà nước, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần dành cho bị cáo hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để thể hiện tính nghêm minh của pháp luật, cũng như thực hiện răn đe phòng nghừa chung qua đó cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội sau này. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trong quá trình công tác bị cáo được UBND huyện T Đ và UBND tỉnh Đăk Nông tặng nhiều giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác; gia đình bị cáo có công với cách mạng anh trai là liệt sỹ, bà nội là mẹ Việt nam anh hùng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. HĐXX sẽ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Ngoài ra, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn xác định được Đoàn Thị Th vay của các tổ chức, cá nhân: Hội liên hiệp phụ nữ huyện T Đ số tiền 27.400.000 đồng, Liên đoàn lao động huyện T Đ 20.000.000 đồng, anh Điểu Th 32.000.000 đồng, chị Nông Tuyết L 30.000.000 đồng, anh Điểu Nh 20.000.000 đồng và chị Trần Thị Th 115.000.000 đồng, tổng cộng 244.400.000 đồng. Tuy

nhiên, đây là các giao dịch dân sự nên sẽ tách ra giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự dân sự khi có đơn khởi kiện.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà Đoàn Thị Th thu của anh Điểu Nh để trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T Đ đến nay chưa đến hạn trả nợ *(hạn trả nợ vào ngày 08/11/2019)*, nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[5] Về vật chứng vụ án là giấy mua bán giả tạo do bị cáo tự ký tên, giấy vay tiền là tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án; Cơ quan cảnh sát điều tra cũng đã thu giữ và trả lại 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ sở hữu hợp pháp gồm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD788850 và số CD788852 mang tên Nguyễn Đức T và Lầm Sy M; 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 152153 và số 152875 mang tên Điểu T; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 152039 mang tên Điểu G nên không đề cập giải quyết. .

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại chị Trương Thị Bạch T, bà Thị S yêu cầu bị cáo bồi thường số 60.000.000 đồng *(mỗi người 30.000.000 đồng)*. Bị hại chị Nguyễn Kim U vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 190.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại, vì vậy cần buộc bị cáo bồi thường cho chị Trương Thị Bạch T, bà Thị S mỗi người 30.000.000 đồng, bồi thường cho chị Nguyễn Kim U số tiền 190.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí HSST và tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị Th phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Th 06 (sáu) năm tù về tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" và 03 (ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)* tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đoàn Thị Th phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 19 tháng 03 năm 2018.

- Áp dụng khoản 5 Điều 355 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)* cấm bị cáo Đoàn Thị Th đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn 02 (hai) năm sau khi mãn hạn tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Đoàn Thị Th phải bồi thường cho bị hại chị Trương Thị Bạch T 30.000.000 đồng; bà Thị S 30.000.000 đồng; chị Nguyễn Kim U 190.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14. Buộc bị cáo Đoàn Thị Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại chính quyền địa phương và nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
-VKSND tỉnh Đăk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đăk Nông;
- Phòng HSNV CA tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Công an huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS H. T Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người có QL liên quan;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Nguyễn Tiến Thọ